

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10/8/2022

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đặng Anh Việt.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Miên và Lê Thị Cần.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2022/TLST-HNGĐ ngày 31/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn AB Q, xã L, huyện V, tỉnh H.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày:

Anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị D có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 02/01/2019.

Trong thời gian chung sống, giữa anh và chị D phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn giữa anh và chị D đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần và vợ chồng anh cũng cùng nhau tìm hướng giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng kéo dài, cuộc sống chung vô cùng mệt mỏi, không có hạnh phúc nên vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 01/2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, hỏi thăm gì đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng kéo dài, không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống, anh H không còn tình cảm với chị D nữa nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn, chị Nguyễn Thị D trình bày:**

Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Ngọc H có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 02/01/2019.

Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng chị có xảy ra mâu thuẫn nhưng cũng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, không đến mức phải ly hôn, chị không có lỗi lầm gì với anh H. Chị D cũng thừa nhận, chị và anh H đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh H không qua lại, thăm hỏi chị D, chị D có gọi điện thoại nhưng anh H không nghe và không gặp chị D. Hiện nay, chị D vẫn còn tình cảm với anh H nên chị không nhất trí ly hôn với anh H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị D là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì anh H và chị D phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng anh, chị không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, anh H không còn tình cảm với chị D, không còn mong

muốn chung sống cùng chị D nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, anh H và chị D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị D có địa chỉ tại: tổ dân phố 7, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị D qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy, hôn nhân giữa anh H và chị D là hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình chung sống với chị D, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị D. Nhưng chị D cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh H chưa tới mức phải ly hôn nên chị D không nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ và chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện tình yêu thương từ cả hai phía, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng anh H và chị D không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, anh H không còn yêu thương chị D, không còn mong muốn chung sống cùng chị D nữa. Như vậy, anh H và chị D đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn khả năng hòa giải, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H và chị D đều trình bày: Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, trong thời gian sống ly thân, anh H không quan, thăm hỏi chị D, chị D có điện thoại cho anh H nhưng anh H không nghe điện thoại và không gặp chị D. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình và vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không được. Bên cạnh đó, Tòa án đã hai lần tổ chức hòa giải, động viên, khuyên bảo, phân tích pháp luật cũng như hậu quả của việc ly hôn để anh H và chị D hiểu, trở về đoàn tụ với nhau nhưng hòa giải không thành, anh H vẫn cương quyết xin ly hôn với chị D, không mong muốn tiếp tục hôn nhân với chị D vì anh H không còn tình cảm, yêu thương chị D nữa. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa

anh H và chị D đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hòa giải để tiếp tục chung sống. Do đó, việc anh H yêu cầu ly hôn với chị D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị D đều khai không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 9, 19, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc H được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006757 ngày 26/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Anh H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 10/8/2022) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND TT Chư Ty;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Đặng Anh Việt